

Bản án số: **07/2021/DS-ST**
Ngày 03 - 3 - 2021
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Lầu.
Ông Trần Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp thừa kế tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 13/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Hồng A, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số TB, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Hồng A: Ông Nguyễn Khánh Trang. Địa chỉ: Số N, khóm H, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Chí D (có mặt).

Địa chỉ: Số TN, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Chí D: Luật sư Nguyễn Văn Q - Văn phòng Luật sư Nguyễn Trung H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Ngọc L (L Ngọc, D) (vắng mặt)).

Địa chỉ: M P, Dr H, T, H Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Dương Hồng A. Địa chỉ: Số TB, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2020).

2. Bà Huỳnh Thị A (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Dương Chí D

Địa chỉ: Số TN, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2020),

3. Ông Dương Chí T (vắng mặt).

Địa chỉ: Số TN, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Cô Minh S (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số N A, C, khóm T, phường N, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng,

5. Ông Lý Hoàng Việt (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Dương Hồng A trình bày: Cha ông là Dương Văn L chết ngày 13/02/2020 và mẹ là bà Lương Thị Ngọc H chết ngày 22/10/1984. Cha mẹ có 03 người con chung là: Dương Ngọc L, Dương Chí D và Dương Hồng A. Ngoài ra, cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Trước khi cha mẹ chết không có lập di chúc.

Di sản thừa kế của cha, mẹ để lại gồm có:

- Thừa đất số 20, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.050 m² (có 150 m² đất thổ cư và 5.900 m² đất trồng cây hàng năm), tọa lạc tại khóm T, phường N, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/3/1998, do ông Dương Văn L đứng tên.

- Căn nhà Số TN đường L, khóm B, phường H, thành phố T có diện tích 76,3 m², kết cấu nhà tường, bê tông cốt thép một trệt, một lầu và phần đất gắn liền có diện tích là 279,3 m² thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 50, tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Dương Văn L đứng tên ngày 12/7/2001. Riêng căn nhà Số TN có diện tích 76,3 m² chưa được cấp giấy.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Dương Văn L chết để lại như sau:

1. Chia di sản thừa kế toàn bộ thửa 20, tờ bản đồ số 01 có diện tích là 6.50 m², chia đều cho mỗi người là 2.016,6 m² (trong đó 1.966 m² đất trồng cây lâu

năm và 50 m² đất thổ cư) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Dương Văn L ngày 12/3/1998.

2. Chia thừa kế một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ số 50, diện tích 203,9 m² (loại đất trồng cây lâu năm) làm 03 phần gồm: Dương Hồng A 44,6 m², Dương Ngọc L 58,7 m² và Dương Chí D 100,6 m².

3. Không yêu cầu chia căn nhà Số TN, đường L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng và toàn bộ phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích là 76,3 m² theo giấy chứng nhận được cấp ngày 12/7/2001 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Dương Văn L vào ngày 12/7/2001 và đồng ý giao căn nhà cho ông Dương Chí D được quản lý sử dụng. Chỉ yêu cầu chia phần đất phía sau theo hiện trạng các bên đã xây nhà quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Dương Hồng A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đối với phần đất thửa số 20 qua đo đạc thực tế có diện tích 6.182,7 m², trong phần đất này có mộ của ông L, nguyên đơn không yêu cầu chia diện tích phần mộ (12 m x 12 m) là 144 m² và chừa đường đi vào mộ làm lối đi chung từ nền mộ đến giáp hết hướng tây của thửa đất. Nguyên đơn đồng ý nhận đất có chiều ngang 25 m, chiều dài hết đất ở hướng bắc của thửa đất, chia cho Dương Ngọc L 25 m chiều ngang cặp với nguyên đơn, chiều dài hết đất. Phần còn lại chia cho Dương Chí D.

Tại Tờ tường trình ngày 29/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Dương Chí D trình bày: Cha, mẹ của tôi là ông Dương Văn L (chết ngày 13/02/2020) và bà Lương Thị Ngọc H (chết ngày 22/10/1984). Cha, mẹ của bà chung sống với nhau có 03 người con gồm: Dương Ngọc L; Dương Chí D; Dương Hồng A, lúc mất không để lại di chúc.

+ Đối với yêu cầu phân chia di sản thừa kế là một phần thửa đất số 4, tờ bản đồ số 50, diện tích 203,9m² (diện tích đo đạc thực tế), loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/7/2001 thành 03 kỷ phần cho 03 người thừa kế là Dương Ngọc L, Dương Chí D, Dương Hồng A, thì tôi không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn, bởi vì phần phía sau căn nhà là cha mẹ để lại cho tôi, lúc cha tôi cho thì không có làm giấy tờ, vì cha tôi nói là cha cho tôi, còn A và bà L là đã cho rồi. Đối với phần cha tôi cho bà A với bà L, thì hiện nay, bà A với bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 44, 47, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Vì vậy, tôi không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị được quản lý toàn bộ tài sản đối với phần đất phía sau.

+ Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, diện tích 6.050m² (trong đó có 150m² đất ở và 5.900m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại khóm T, phường N, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/1998. Tôi đồng ý cho bà A diện tích

là 1000m², tính từ hướng xã Trường Khánh về hướng thành phố T. Còn đối với bà L tôi cũng đồng ý chia giá trị cho bà L giá trị đất tương ứng với diện tích 1000m². Nếu nguyên đơn đồng ý thì tôi sẽ không đề nghị tính phần giá trị công cải tạo nâng nền trên phần đất này.

Đối với kết quả thẩm định, định giá tôi không có ý kiến, thống nhất với kết quả thẩm định, định giá của Tòa án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Các đương sự đều thừa nhận cha, mẹ là ông Dương Văn L (chết ngày 13/02/2020) và bà Lương Thị Ngọc H (chết ngày 22/10/1984). Cha, mẹ của bà chung sống với nhau có 03 người con gồm: Dương Ngọc L; Dương Chí D; Dương Hồng A. Ngoài ra, cha, mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác, ông, bà nội cũng đã mất. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L và cụ H là Dương Ngọc L; Dương Chí D; Dương Hồng A. Trước lúc mất cụ L và cụ H không để lại di chúc. Về tài sản gồm có: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T, theo Biên bản thẩm định ngày 08/10/2020 có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.182,7 m² và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, theo Biên bản thẩm định ngày 08/10/2020 có diện tích theo đo đạc thực tế là 396,3 m². Trên thực tế đối với 02 thửa đất nêu trên khi còn sống ông L đã có nói là để cho bị đơn D quản lý sử dụng, nhưng chỉ nói không có giấy tờ gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của bị đơn là đối với thửa 04 tọa lạc tại phường H khi ông L đã chia cho con gái rồi, phần còn lại giao toàn bộ phần đất trống phía sau cho bị đơn, bị đơn trả giá trị cho các đồng thừa kế khác, còn đối với thửa số 20 tọa lạc tại phường N đề nghị chia cho nguyên đơn A 01 công bằng đất còn người liên quan L chia cho 01 công bằng giá trị, còn lại giao cho bị đơn D quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản của cụ L làm 03 phần cho Dương Hồng A, Dương Chí D và Dương Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông Dương Văn L (chết ngày 13/02/2020) và bà Lương Thị Ngọc H (chết ngày 22/10/1984) để lại và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản này cho các đồng thừa kế của cụ L và cụ H được hưởng; yêu cầu chia đất Tòa án xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài (*người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc L đang định cư tại H Kỳ*), việc tranh chấp giữa các đương sự có liên quan đến quyền thừa kế đối với tài sản là bất động sản nằm trên lãnh thổ Việt Nam của đương sự ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Thị A có ủy quyền cho ông Dương Chí D, Cô Minh S có đơn xin xét xử vắng mặt, Dương Chí T và ông Lý Hoàng Việt vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn Dương Hồng A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đối với phần đất thửa số 20 qua đo đạc thực tế có diện tích 6.182,7 m², trong phần đất này có mộ của ông L, nguyên đơn không yêu cầu chia diện tích phần mộ (12 m x 12 m) là 144 m² và chừa đường đi vào mộ làm lối đi chung từ nền mộ đến giáp hết hướng tây của thửa đất. Nguyên đơn đồng ý nhận đất có chiều ngang 25 m, chiều dài hết đất ở hướng bắc của thửa đất, chia cho Dương Ngọc L 25 m chiều ngang cặp với nguyên đơn, chiều dài hết đất. Phần còn lại chia cho Dương Chí D. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn, không vượt nội dung khởi kiện ban đầu, là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn để xem xét trong vụ kiện.

Về nội dung:

[5] Các đương sự thống nhất: Cha, mẹ là ông Dương Văn L (chết ngày 13/02/2020) và bà Lương Thị Ngọc H (chết ngày 22/10/1984). Cha, mẹ của bà chung sống với nhau có 03 người con gồm: Dương Ngọc L; Dương Chí D; Dương Hồng A. Ngoài ra, cha, mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác, ông, bà nội cũng đã mất. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ L và cụ H là Dương Ngọc L; Dương Chí D; Dương Hồng A. Trước lúc mất cụ L và cụ H không để lại di chúc.

[6] Các đương sự thống nhất di sản của cụ L và cụ H chết để lại gồm có:

[6.1] Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T, theo Biên bản thẩm định ngày 08/10/2020 có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.182,7 m². Trong phần đất có mộ diện tích (ngang 12 m, dài 12 m) là 144 m², 01 căn nhà có diện tích 32,34 m², 01 căn nhà có diện tích 57,82 m² và mái che diện tích 31,36 m², 01 chuồng gà có diện tích 60,5 m² và mái chuồng gà có diện tích 99,22 m² và một số cây trồng khác. Theo Biên bản định giá cùng ngày 08/10/2020 thể hiện: Đất thổ cư diện tích 150 m² có giá là 2.500.000 đồng/m² là 375.000.000 đồng; đất cây lâu năm 6.032,7 m² có giá là 350.000 đồng/m² là 2.111.445.000 đồng; nhà diện tích 32,34 m² có giá là 751.791 đồng/m² (giá trị còn lại 55%) là 13.372.106 đồng; nhà diện tích 57,82 m² có giá là 751.791 đồng/m² (giá trị còn lại 40%) là 17.387.422 đồng; mái che nhà diện tích 31,36 m² có giá là 233.489 đồng/m² (giá trị còn lại 40%) là 2.916.454 đồng; chuồng gà có diện tích 60,5 m² có giá là 854.960 đồng/m² (giá trị còn lại 50%) là 25.862.540 đồng; mái che chuồng gà có diện tích 99,22 m² có giá là 232.489 đồng (giá trị còn lại 45%) là 10.380.803 đồng. Đối với các cây trồng trên đất các đương sự không yêu cầu định giá.

[6.2] Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, theo Biên bản thẩm định ngày 08/10/2020 có diện tích theo đo đạc thực tế là 396,3 m². Trong đó, bà Dương Ngọc L đang sử dụng 113,3 m², bà Dương Hồng A đang sử dụng 84,4 m², ông Dương Chí D đang sử dụng 62,4 m² và phần còn lại là 136,2 m² là đất trống phía sau 03 căn nhà, trong phần đất trống này ông D đã xây bức tường ngăn làn 02 phần, một phần giáp với phía sau nhà bà L và bà A là 61,5 m², một phần phía sau căn nhà ông D là 74,7 m². Theo Biên bản định giá cùng ngày 08/10/2020 thể hiện phần đất trống 136,2 m² có giá là 350.000 đồng/m² là 47.670.000 đồng. Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, do cụ Dương Văn L đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/7/2001 với diện tích 458,4 m². Vào tháng 12/2002 cụ L chuyển nhượng cho Dương Hồng A là 63,7 m² hiện nay phần đất này Dương Hồng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng qua đo đạc thực tế thì bà A đang sử dụng 84,4 m² là thừa 20,7 m² và vào tháng 02/2002 cụ L chuyển nhượng cho Dương Ngọc L 115,4 m² hiện nay phần đất này Dương Ngọc L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng qua đo đạc thực tế thì hiện nay bà L đang quản lý là 113,3 m² là thiếu 2,1 m².

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Hồng A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[7.1] Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T, theo Biên bản thẩm định ngày 08/10/2020 có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.182,7 m². Trong phần đất này có mộ của cụ L với diện tích là 144

m², nguyên đơn không yêu cầu chia và yêu cầu chừa một đường đi vào mộ làm lối đi chung từ nền mộ đến giáp hết hướng tây của thửa đất, qua đo đạc thực tế thì đường đi chung này có diện tích (3,75 m x 97,46 m) là 365,48 m². Như vậy, phần diện tích không chia thừa kế là (144 m² + 365,48 m²) là 509,48 m², bị đơn D cũng đồng ý với yêu cầu này, nên phần diện tích đất được xem xét chia thừa kế là (6.182,7 – 509,48) là 5.673,22 m². Nếu chia đều cho các thừa kế thì mỗi phần là (5.673,22: 3) là 1.891, 07 m². Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn A đồng ý nhận đất có chiều ngang 25 m (theo đường Tôn Đức Thắng, theo đo đạc thì chiều dài cạnh này là 81,82 m), chiều dài hết đất ở hướng bắc của thửa đất, chia cho Dương Ngọc L 25 m chiều ngang cặp với nguyên đơn, chiều dài hết đất. Phần còn lại chia cho Dương Chí D.

[7.2] Bị đơn Dương Chí D đồng ý chia cho bà A diện tích là 1.000m², tính từ hường xã Trường Khánh về hướng thành phố T. Còn đối với bà L cũng đồng ý chia giá trị cho bà L giá trị đất tương ứng với diện tích 1.000m². Nếu nguyên đơn đồng ý thì bị đơn sẽ không yêu cầu tính phần giá trị công cải tạo nâng nền trên phần đất này. Bị đơn D cho rằng bị đơn là người trực tiếp nuôi và chăm sóc cụ L trước khi qua đời và trong quá trình chung sống cụ L có nói là phần đất thừa số 20 này khi cụ L qua đời thì để lại cho bị đơn quản lý sử dụng, nhưng đây chỉ là lời nói của bị đơn, không có giấy tờ gì thể hiện khi còn sống cụ L cho bị đơn phần đất này, còn nguyên đơn A không đồng ý với lời trình bày này của bị đơn. Do đó, lời trình bày này của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7.3] Ngoài ra, bị đơn D cho rằng vào khoảng năm 2017 bị đơn có thuê ông Vương Ngọc T đổ 300 xe đất mỗi xe trị giá là 1.200.000 đồng để sang đất thửa đất này. Tại biên bản lấy lời khai ông T vào ngày 17/12/2020 (bút lục 116) ông T trình bày là vào năm 2017 có đổ cho bị đơn D 300 xe đất giá mỗi xe là 1.200.000 đồng, nhưng chỉ đổ một phần thửa đất là đổ phần nhiều tại phần ông D cất chuồng gà và trang qua hai bên, sau khi đổ đất thì phần đất vẫn còn mương và trũng và trên thực tế thì phần đất trên vẫn còn mương và trũng ở nhiều nơi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì phần đất chia cho nguyên đơn và chia cho Dương Ngọc L là ít hơn so với chia cho bị đơn D và vị trí là từ giáp với chuồng gà của bị đơn D trở về hướng bắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn A chia cho nguyên đơn A 1.698,5 m², chia cho người liên quan L là 1.501,9 m² phần còn lại 2.472,82 m² chia cho bị đơn D. Như vậy, bị đơn D được chia nhiều hơn nguyên đơn A là 774,32 m² và nhiều hơn người liên quan L là 970,92 m², phần này là bù cho chi phí đổ đất và công chăm sóc cụ L trước khi qua đời, nên Hội đồng xét xử không xem xét chi phí đổ đất của bị đơn.

[7.4] Đối với yêu cầu chia thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 cụ Dương Văn L được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/7/2001 với diện tích 458,4 m², nhưng qua đo đạc thực tế thì thửa đất trên có diện tích là 396,3 m², là thiếu 89,1 m², việc thiếu đất so với quyền sử dụng đất được cấp một phần là do Nhà nước mở rộng lộ và một phần phía sau do người khác lấn chiếm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự không yêu cầu cầu xem xét phần đất bị thiếu này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.5] Trong phần đất thừa 04 cụ L đã chuyển nhượng cho nguyên đơn cho Dương Hồng A là 63,7 m² hiện nay phần đất này Dương Hồng A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa 44 vào ngày 11/01/2009 nhưng qua đo đạc thực tế thì bà A đang sử dụng 84,4 m² là thừa 20,7 m² và vào tháng 02/2002 cụ L chuyển nhượng cho Dương Ngọc L 115,4 m² hiện nay phần đất này Dương Ngọc L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa 47 vào ngày 06/01/2009 nhưng qua đo đạc thực tế thì hiện nay bà L đang quản lý là 113,3 m² là thiếu 2,1 m². Ông Dương Chí D đang sử dụng 62,4 m² là căn nhà của cụ L chết để lại. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu gì về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất trống phía sau của 03 căn nhà, có diện tích theo đo đạc thực tế là 136,2 m², trong phần 136,2 m² đất trống này thì phần giáp với căn nhà của nguyên đơn A và nhà của người liên quan L là 61,5 m², nguyên đơn yêu cầu chia cho nguyên đơn và bà L bằng theo căn nhà là 61,5 m² này, còn lại 74,7 m² giáp với nhà của ông D nguyên đơn yêu cầu chia cho ông D và căn nhà ông D đang ở hiện nay không yêu cầu chia để cho ông D sử dụng.

[7.6] Bị đơn D cho rằng khi cụ L còn sống đã chia cho A 63,7 m² và chia cho L 115,4 m² rồi và A cùng với L đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất phần đất trống còn lại khi cụ L còn sống có nói là để cho bị đơn sử dụng. Vì cụ L cho rằng sau này nhà nước mở lộ từ chợ phường H đến giáp với khu vực sân bay thì nhà của bị đơn D đang ở sẽ không còn, nhưng đây chỉ là lời nói của bị đơn, không có giấy tờ gì thể hiện khi còn sống cụ L cho bị đơn phần đất này, và hiện nay cũng chưa có văn bản nào thể hiện là sẽ mở lộ từ chợ phường H đến giáp với khu vực sân bay, và bị đơn D yêu cầu được chia phần đất trống tổng cộng là 136,2 m², bị đơn sẽ trả giá trị đất cho nguyên đơn và người liên quan L. Còn nguyên đơn A không đồng ý với lời trình bày này của bị đơn và yêu cầu được chia bằng đất, chia bằng từ nhà nguyên đơn giáp với nhà của bà L đến bức tường do bị đơn đã xây dựng bức tường ngăn cách giữa hai phần đất bằng từ phía giáp với nhà của nguyên đơn A đến hết đất. Do đó, lời trình bày này của bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Như vậy, phần 136,2 m² theo yêu cầu của nguyên đơn chia cho nguyên đơn (2,50 m x 7,63 m) là 19,075 m² và người liên quan L 42,1 m² chia cho bị đơn D là 74,7 m² đây là có lợi cho bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[8] Đối với các cây trồng trên đất tại thửa số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương không yêu cầu và đều thống nhất các cây trồng nếu chia trên đất của ai thì người đó được quyền quản lý sử dụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những căn cứ như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Dương Hồng A chia thừa kế theo pháp luật thửa số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T và phần đất trống có diện tích 136,2 m² của thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50, tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T là di sản của cụ L và cụ H chết để lại.

[10] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[12] Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng cộng chi phí thẩm định, định giá là 13.500.000 đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu các đương sự khác nộp trả lại, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 3, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đồng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tỷ lệ giá trị kỷ phần mà mỗi người được hưởng, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 266, Điều 273 và điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 613, 630, 651, Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn Dương Hồng A. Chia thừa kế thừa kế theo pháp luật thửa số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T,

phường N, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng là di sản của cụ Dương Văn L chết để lại như sau:

1. Đối với thửa số 20, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khóm T, phường N, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng:

1.1. Phần mộ cụ Dương Văn L có diện tích 144 m^2 và đường đi chung vào mộ có diện tích $365,48 \text{ m}^2$, có tổng diện tích là $509,48 \text{ m}^2$ không chia.

1.2. Chia cho Dương Hồng A $1.698,5 \text{ m}^2$ có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Tôn Đức Thắng có số đo: 25 m;
- Hướng Tây giáp lối đi chung có số đo: 25 m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho Dương Ngọc L có số đo 66,94 m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Cô Minh Tấn số đo 69,06 m.

1.3. Chia cho Dương Ngọc L $1.501,9 \text{ m}^2$ có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Tôn Đức Thắng có số đo: 25 m;
- Hướng Tây giáp lối đi chung và mộ có số đo: 12 m + 13 m;
- Hướng Nam giáp đất chia cho Dương Chí D có số đo 62,81 m;
- Hướng Bắc giáp đất chia cho Dương Hồng A số đo 66,94 m.

1.4. Chia cho Dương Chí D $2.472,82 \text{ m}^2$ có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Tôn Đức Thắng có số đo: 31,82 m;
- Hướng Tây giáp lối đi chung có số đo: 47,46 m;
- Hướng Nam giáp kênh thủy lợi có số đo 63,42 m;
- Hướng Bắc giáp đất chia cho Dương Ngọc L số đo 62,81 m.

2. Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 50 tọa lạc khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng:

2.1. Chia cho Dương Hồng A diện tích $19,075 \text{ m}^2$ có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp bức tường thửa 04 còn lại bị đơn D sử dụng có số đo 7,63 m;
- Hướng Tây giáp phần đất chia cho Dương Ngọc L có số đo 7,63 m;
- Hướng Nam giáp Trần Văn Đại có số đo 2,50 m;
- Hướng Bắc giáp nhà của A có số đo 2,50 m;

2.2. Chia cho Dương Chí D $74,7 \text{ m}^2$, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Lâm Ngọc Thủy số đo 7,74 m;
- Hướng Tây giáp bức tường thửa 04 còn lại nguyên đơn A sử dụng có số đo 7,63 m;
- Hướng Nam giáp Trần Văn Đại số đo 9,45 m;

- Hướng Bắc giáp Phạm Thị Trang số đo 10,03 m;
- 2.3. Chia cho Dương Ngọc L diện tích 42,425 m² có số đo như sau:
 - Hướng Đông giáp phần đất chia cho nguyên đơn A có số đo 7,63 m;
 - Hướng Tây giáp Ủy ban nhân dân thành phố T số đo 7,63 m;
 - Hướng Nam giáp Trần Văn Đại có số đo 5,55 m;
 - Hướng Bắc giáp nhà của A và L có số đo 5,53 m.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo

3. Các phần chia cho Dương Ngọc L giao cho nguyên đơn A quản lý và có trách nhiệm giao lại cho bà L khi bà L có yêu cầu, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng cộng chi phí thẩm định, định giá là 13.500.000 đồng, nguyên đơn đồng ý chịu và nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Nguyên đơn A phải nộp 32.346.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp 9.165.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001807 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, nguyên đơn A còn phải nộp tiếp 23.181.000 đồng.

5.2. Bị đơn D phải chịu 42.784.000 đồng.

5.3. Người liên quan L phải chịu 29.921.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (10);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thành